

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Phi Hùng

2. Ông Đặng Hoàng Thành

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Kim, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Hộ khẩu: Ấp HN, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện ngày 14/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị M trình bày:*

Chị M và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 25/8/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm, anh T không quan tâm, chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, đánh nhau và được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Vì vậy, chị M yêu cầu ly hôn với anh T.

Thời gian chung sống, chị M và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 04/4/2017 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 03/7/2019. Con chung hiện nay chị M nuôi dạy. Khi ly hôn chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị M không yêu cầu giải quyết.

*\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị M và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do anh chị chung sống không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ tháng 10/2020 đến nay nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn; con chung hiện chị M nuôi dạy nên cần giao cho chị M tiếp tục nuôi dạy; Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét. Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh T có hộ khẩu thường trú tại ấp HN, xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay tại khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của

chị M và vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vào ngày 05/3/2021 chị M có yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 25/8/2016. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị M yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, yêu cầu của chị M là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và hiện tại đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh T vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 04/4/2017 (giới T nam) và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 03/7/2019 (giới T nữ). Xét thấy, việc chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu H và cháu V là có căn cứ. Bởi vì, cháu H và cháu V do chị M nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho anh T biết yêu cầu của chị M nhưng anh T không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị M. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Hiếu và cháu Vy cho chị M nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn T.
2. Về hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.
3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 04/4/2017 (giới T nam) và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 03/7/2019 (giới T nữ) cho chị Trần Thị M tiếp tục nuôi dạy. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được quyền cản trở.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 14 tháng 12 năm 2020 chị M có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011388 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã BBĐ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kiều Trang**